

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433001] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324E)
CBGD: Cái Minh Thuận (240015)

Số SV có mặt: 37
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cái Minh Thuận
Lê Thị Thanh Xuân

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123240130	Đặng Lê Quốc Bảo	22/08/2005	CCQ2324E			0,0	0,0	0,0
2	2122240134	Nguyễn Thị Ngọc Bích	06/12/1997	CCQ2224E			8,9	8,1	8,4
3	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	02/12/2004	CCQ2224D			10,0	8,5	9,1
4	2123240132	Nguyễn Phạm Hồ Điệp	24/06/2005	CCQ2324E			0,0	0,0	0,0
5	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D			9,2	8,0	8,5
6	2122240109	Lê Thùy Mỹ Hậu	15/09/2004	CCQ2224D			8,3	7,0	7,5
7	2123240134	Nguyễn Minh Hiếu	24/08/2005	CCQ2324E			8,0	6,5	7,1
8	2123240131	Đặng Thị Thanh Huệ	24/07/2005	CCQ2324E			8,6	7,5	7,9
9	2123240140	Lê Gia Huy	29/05/2005	CCQ2324E			0,0	0,0	0,0
10	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	CCQ2224D			8,5	8,5	8,5
11	2123240135	Nguyễn Đặng Phương Linh	02/09/2005	CCQ2324E			7,0	5,0	5,8
12	2123240144	Đào Nguyễn Thanh Ly	12/05/2005	CCQ2324E			8,4	7,8	8,0
13	2122240067	Võ Thị Ánh Nga	25/01/2004	CCQ2224C			8,9	9,0	9,0
14	2123240137	Lê Nguyễn Thị Ngọc Nghi	30/04/2005	CCQ2324E			0,0	0,0	0,0
15	2122240089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	10/02/2004	CCQ2224C			9,2	9,0	9,1
16	2123240157	Võ Thị Như Ngọc	10/07/2005	CCQ2324E			7,7	7,5	7,6
17	2123240150	Võ Nguyễn Minh Nhật	19/06/2005	CCQ2324E			7,0	5,0	5,8
18	2123240010	Nguyễn Ngọc Phương Như	11/10/1998	CCQ2324A			8,3	8,3	8,3
19	2123240141	Nguyễn Thị Quỳnh Như	27/05/2004	CCQ2324E			7,2	5,5	6,2
20	2122240101	Phạm Thị Hằng Ni	12/11/2004	CCQ2224D			9,1	9,0	9,0
21	2123240146	Vũ Thành Phước	31/08/2005	CCQ2324E			8,4	7,5	7,9
22	2123240153	Nguyễn Thị Hồng Phượng	27/06/2005	CCQ2324E			8,3	7,5	7,8
23	2122240091	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	13/04/2004	CCQ2224C			8,5	8,6	8,6
24	2122240162	Lưu Trúc Quỳnh	10/01/2004	CCQ2224C			8,5	8,0	8,2
25	2123240139	Trần Thị Phương Thanh	04/02/2005	CCQ2324E			8,6	8,0	8,2
26	2123240142	Nguyễn Ngọc Anh Thư	09/02/2005	CCQ2324E			8,0	5,2	6,3
27	2123240155	Lê Thị Thanh Thuý	29/07/2005	CCQ2324E			7,5	6,0	6,6
28	2122240102	Nguyễn Thị Thủy	02/01/2004	CCQ2224D			10,0	8,3	9,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433001] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324E)
CBGD: Cái Minh Thuận (240015)

Số SV có mặt:.....
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:.....

Cái Minh Thuận
Nguyễn Thị Thanh Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123240201	Lê Hữu	Trác	02/04/1999	CCQ2324D			10,0	9,0	9,4
30	2123240205	Bùi Thị Ngọc	Trâm	15/09/2005	CCQ2324E			8,3	6,0	6,9
31	2122240084	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	20/01/2004	CCQ2224C			7,9	5,0	6,2
32	2123240202	Lê Thị Thùy	Trang	29/12/1999	CCQ2324E			9,1	8,7	8,9
33	2122240211	Thân Nguyễn Huyền	Trang	15/04/2004	CCQ2224C			8,6	8,2	8,4
34	2123240126	Nguyễn Lê Tuyết	Trình	23/09/2003	CCQ2324E			7,7	7,0	7,3
35	2123240129	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	05/06/2005	CCQ2324E			7,0	6,5	6,7
36	2123240156	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	16/11/2005	CCQ2324E			7,2	5,0	5,9
37	2123240136	Phạm Nguyễn Khánh	Vy	15/03/2005	CCQ2324E			8,4	7,0	7,6

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433002] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324C)

CBGD: Cái Minh Thuận (240015)

Số SV có mặt: 51

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123240067	Lương Thị Thúy Ái	30/09/2005	CCQ2324C			9,2	7,0	7,9
2	2123240083	Nguyễn Văn Cường	12/10/2005	CCQ2324C			6,1	5,0	5,4
3	2123240120	Nguyễn Quốc Đạt	03/07/2003	CCQ2324D			9,0	8,0	8,4
4	2123240077	Võ Minh Diệt	01/02/2002	CCQ2324C			6,7	5,0	5,7
5	2123240086	Đỗ Thị Thùy Dương	17/03/2005	CCQ2324C			7,2	5,0	5,9
6	2123240062	Nguyễn Thị Hương Giang	30/09/2005	CCQ2324C			8,1	7,5	7,7
7	2123240113	Hoàng Thị Hồng Hà	25/04/2005	CCQ2324D			0,0	0,0	0,0
8	2123240106	Quảng Nữ Hồng Hà	03/03/2003	CCQ2324D			8,2	6,5	7,2
9	2123240098	Lê Thị Mỹ Hào	05/01/2005	CCQ2324D			7,6	5,0	6,0
10	2123240112	Nguyễn Thị Thuý Hương	08/05/2005	CCQ2324D			8,9	8,0	8,4
11	2123240070	Trần Đức Khánh	14/05/2001	CCQ2324C			6,8	5,5	6,0
12	2123240143	Nguyễn Đăng Khôi	24/11/2005	CCQ2324D			6,8	5,0	5,7
13	2123240065	Hoàng Nguyễn Ái Liên	27/05/2005	CCQ2324C			7,9	6,5	7,1
14	2123240104	Nguyễn Thị Kim Liễu	08/05/2005	CCQ2324D			8,4	8,0	8,2
15	2123240076	Đinh Lê Khánh Linh	30/04/2005	CCQ2324C			8,0	7,8	7,9
16	2123240091	Phan Thị Ngọc Linh	12/04/2005	CCQ2324C			8,0	7,8	7,9
17	2123240080	Phạm Đào Uyên Minh	24/08/2005	CCQ2324C			6,7	5,5	6,0
18	2123240096	Trình Nguyễn Thuý Mỹ	07/10/2003	CCQ2324D			8,1	6,5	7,1
19	2123240075	Nguyễn Thanh Ngân	15/03/2005	CCQ2324C			9,1	6,5	7,5
20	2123240107	Trần Thị Kim Ngân	10/02/2004	CCQ2324D			8,8	8,5	8,6
21	2123240097	Trần Tuyết Ngân	10/01/2003	CCQ2324D			8,1	7,0	7,4
22	2123240099	Trương Thu Ngân	24/06/2005	CCQ2324D			7,8	7,5	7,6
23	2123240082	Tôn Nữ Gia Nguyễn	01/04/2005	CCQ2324C			7,2	5,5	6,2
24	2123240068	Đặng Thị Yến Nhi	02/12/2005	CCQ2324C			8,5	8,0	8,2
25	2123240124	Lâm Yến Nhi	09/09/2001	CCQ2324D			8,0	6,0	6,8
26	2123240084	Nguyễn Tâm Như	01/07/2005	CCQ2324C			7,5	5,5	6,3
27	2123240069	Nguyễn Thị Bích Như	28/10/2005	CCQ2324C			8,7	7,5	8,0
28	2123240085	Phan Thị Huỳnh Như	19/04/2005	CCQ2324C			7,6	5,0	6,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22433002] - Kỹ năng thuyết trình
bằng tiếng Anh (CCQ2324C)

CBGD: Cái Minh Thuận (240015)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

Cái Minh Thuận
Chị Thanh Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2123240089	Nguyễn Ngọc Trinh Nữ	28/01/2005	CCQ2324C			8,1	8,0	8,0
30	2123240081	Vũ Thị Anh Phương	29/08/2005	CCQ2324C			7,8	5,0	6,1
31	2123240095	Huỳnh Thanh Quang	01/11/2004	CCQ2324D			6,6	5,0	5,6
32	2123240115	Lưu Thị Quỳnh	20/09/2002	CCQ2324D			7,5	5,0	6,0
33	2123240122	Trần Văn Sáng	28/11/2005	CCQ2324D			7,8	6,0	6,7
34	2123240093	Lý Thị Sua	18/06/2004	CCQ2324D			7,5	6,5	6,9
35	2123240121	Nguyễn Ngọc Anh Thư	26/11/2004	CCQ2324D			9,7	8,0	8,7
36	2123240109	Nguyễn Thu Thủy	04/04/2005	CCQ2324D			8,5	8,5	8,5
37	2123240118	Lê Minh Tiếng	16/09/2004	CCQ2324D			7,5	5,5	6,3
38	2123240074	Nguyễn Quỳnh Lan Trâm	25/02/2005	CCQ2324C			8,1	7,5	7,7
39	2123240102	Đặng Huỳnh Bảo Trân	29/04/2005	CCQ2324D			6,5	5,0	5,6
40	2123240090	Đặng Thị Thu Trân	18/06/2005	CCQ2324C			8,0	8,5	8,3
41	2123240066	Phạm Thị Thùy Trang	17/08/2005	CCQ2324C			7,1	5,0	5,8
42	2123240092	Phan Thị Hoài Trinh	29/01/2005	CCQ2324D			6,7	5,0	5,7
43	2123240088	Trần Nguyễn Kiều Trinh	25/06/2005	CCQ2324C			7,5	5,0	6,0
44	2123240064	Nguyễn Huỳnh Đình Uy	09/11/2005	CCQ2324C			6,5	5,0	5,6
45	2123240061	Võ Thị Lâm Thuý Vân	03/07/2005	CCQ2324C			8,5	7,0	7,6
46	2123240073	Nguyễn Thị Cẩm Vi	06/07/2005	CCQ2324C			8,1	7,8	7,9
47	2123240078	Lê Trần Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2324C			6,5	5,0	5,6
48	2123240063	Đồng Quang Vinh	24/01/2005	CCQ2324C			7,9	7,8	7,8
49	2123240103	Nguyễn Phong Vinh	23/03/2004	CCQ2324D			7,2	5,0	5,9
50	2123240100	Trần Hiền Vy	19/05/2005	CCQ2324D			6,5	8,5	7,7
51	2123240116	Dương Thị Như Ý	04/10/2005	CCQ2324C			7,3	6,0	6,5